

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải, ông Nguyễn Văn Thức.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phượng O, sinh năm 1993; có mặt

Địa chỉ: Số 58 đường H, tổ dân phố 6, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Anh Bùi Tấn T, sinh năm 1991; vắng mặt.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ; Địa chỉ: Xã Ea, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06-7-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Phượng O trình bày có nội dung:

Chị Trần Thị Phượng O và anh Bùi Tấn T tự nguyện đăng ký kết hôn với

nhau vào ngày 28/02/2019 tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi và đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị O có 01 con chung tên Bùi Minh A, sinh ngày 01/3/2019. Nguyên vọng của chị O là được trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và công nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Tấn T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã uỷ thác cho Trại giam Đ thu thập lời trình bày của anh Bùi Tấn T. Anh T trình bày anh T kết hôn với chị O năm 2019, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, chị O xin ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị O, anh T và chị O có 01 con chung tên Bùi Minh A, sinh ngày 01/3/2019, anh T có nguyện vọng giao con chung cho mẹ anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 06-7-2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 15-7-2020, Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 20-7-2020 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Phụng O và anh Bùi Tấn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống chị O xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Vì vậy, chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị O.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị O và anh T đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị O ly hôn anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T và chị O có 01 con chung, chị O có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung, anh T có nguyện vọng giao con chung cho mẹ anh T nuôi dưỡng, để đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung, nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị O là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Trần Thị Phụng O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh Bùi Tấn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phụng O.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Phượng O được ly hôn với anh Bùi Tấn T.

2. **Về con chung:** Giao con chung là cháu Bùi Minh A, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Trần Thị Phượng O trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Bùi Tấn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung:** Chị Trần Thị Phượng O không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

4. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Trần Thị Phượng O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/9547 ngày 20-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn anh Bùi Tấn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Kim Chung